

Số: 34/2019/QĐST-HNGĐ

A, ngày 03 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 170/2019/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị N, trú tại: Thôn Q, xã M, huyện A, thành phố H.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn U, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố H, hiện trú tại: Thôn Q, xã M, huyện A, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị N và ông Ngô Văn U.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị N và ông Ngô Văn U thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Bà Trịnh Thị N và ông Ngô Văn U có 04 con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1982, Ngô Huy V, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1984, Ngô Thị L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1986 và Ngô Huy H, sinh

ngày 10 tháng 02 năm 1989. Hiện nay các con đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị N và ông Ngô Văn U không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trịnh Thị N nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng xét thấy bà Trịnh Thị N, sinh năm 1958 đến nay trên 60 tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí ly hôn và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án miễn cho bà Trịnh Thị N số tiền án phí ly hôn sơ thẩm .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hải

